

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **66/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 06/5/2025
V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Loan**

Ông **Trần Huy Toàn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phi** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **Trương Ngọc Bình** – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 820/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị L** – Sinh năm 1997

Địa chỉ: phường S, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn L** – Sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà và ông Trần Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã N. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2024 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do ông L thường xuyên chơi cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, về nhà chửi mắng vợ con nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và không còn quan tâm chung sống với nhau. Nay không còn tình cảm nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn L.

Về con chung: Bà và ông L có 02 con chung tên Trần Yến N, sinh ngày 26/4/2018 và Trần Yến V, sinh ngày 09/7/2021. Bà yêu cầu nuôi cháu Trần Yến N, sinh ngày 26/4/2018 và giao cháu Trần Yến V, sinh ngày 09/7/2021 cho ông L nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại đơn tường trình và xin vắng mặt ngày 05/5/2025, bị đơn – ông Trần Văn L trình bày:* Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị L. Ông và bà L có 02 con chung tên Trần Yến N, sinh năm 2018 và Trần Yến V, sinh năm 2021. Ông yêu cầu nuôi cháu Trần Yến V, sinh năm 2021 còn giao cháu Trần Yến N, sinh năm 2018 cho bà L nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa trình bày quan điểm:***

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có cơ sở vì tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: bà L và ông L có 02 con chung tên Trần Yến N, sinh ngày 26/4/2018 và Trần Yến V, sinh ngày 09/7/2021. Xét bà L đang nuôi cháu N và cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ, ông L đang nuôi cháu V nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nuôi cháu Trần Yến N, sinh ngày 26/4/2018 và giao cháu Trần Yến V, sinh ngày 09/7/2021 cho ông L nuôi dưỡng. Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã nhiều lần triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trần Văn L đều vắng mặt. Ngày 05/5/2025, ông L có đơn tường trình và xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Trần Văn L có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Do đó Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ tranh chấp*: Bà L yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với ông L nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung vụ án*:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn L tự nguyện chung sống, kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18/2018, cấp ngày 05 tháng 4 năm 2018. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn L là hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu nhưng từ năm 2024 nảy sinh Nều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông L thường xuyên chơi cờ bạc, về nhà chửi mắng vợ con và không có trách Nệm với gia đình. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt và không còn quan tâm, chung sống với nhau nữa là phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Tại bản tường trình, bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Xét thấy cuộc sống vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau nhưng cuộc sống chung giữa bà L và ông L không hạnh phúc, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Bà L và ông L có hai con chung tên Trần Yến N, sinh ngày 26/4/2018 và Trần Yến V, sinh ngày 09/7/2021. Bà L trình bày từ khi bà và ông L không chung sống với nhau thì bà trực tiếp nuôi dưỡng cháu N còn ông L nuôi dưỡng cháu V nên yêu cầu nuôi cháu N và giao cháu V cho ông L nuôi dưỡng và không cấp dưỡng. Tại bản tường trình ngày 05/5/2025, ông L đồng ý nuôi dưỡng cháu V còn bà L nuôi cháu N và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét, bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ còn ông L đang nuôi dưỡng cháu V. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và để đảm bảo cho các cháu có đủ điều kiện phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội nên cần căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung Trần Yến N, sinh ngày 26/4/2018 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và giao con chung Trần Yến V, sinh ngày 09/7/2021 cho ông L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Sau khi ly hôn, bà L và ông L có quyền, nghĩa vụ

thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì quyền L của con chung, khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn và tranh chấp con chung là có cơ sở chấp nhận và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Quan điểm nói trên của vị đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Tòa án nên chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 264, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Trần Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Yến N, sinh ngày 26/4/2018 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Giao con chung tên Trần Yến V, sinh ngày 09/7/2021 cho ông Trần Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Sau khi ly hôn, bà L và ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền L của con chung, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006558 ngày 24/12/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- THADS thị xã N;
- UBND xã T, tx. N;
- (GCNKH số 18 ngày 05/4/2018);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Huỳnh Tường Viên